CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024

Tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Trọng Điểm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Hữu Tú	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 22/04/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Triều Dương	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 22/04/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Phúc Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/07/2024)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Thắng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Vũ Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
T 024. 666 42 777 E contact@icpa.vn W www.icpa.vn

Số: 082001/2024/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 08 năm 2024, từ trang 5 đến trang 29 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.16: Công ty đang ghi nhận dự phòng phải trả phát sinh do thanh lý trước hạn hợp đồng dịch vụ số 16/03-09/HĐDV-2020/PT ký ngày 03/09/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Thiên Phú Thành về việc thuê kho bãi để tập kết, bốc xúc hàng hoá than các loại lên xuống phương tiện và cung cấp các dịch vụ cảng liên quan với số tiền là 8.269.327.092 đồng. Hiện tại, hai bên đang trao đổi, thương lượng để thống nhất số tiền bồi thường trong thời gian tới.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
M.S.D.N: 0104... C.T.T.N.H.H
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**4.267.512.266.791**	**4.206.434.571.857**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**13.106.202.802**	**113.484.245.938**
1. Tiền	111	V.1	13.106.202.802	113.484.245.938
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.229.821.917.223**	**4.059.797.332.120**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.203.303.527.925	2.627.234.868.111
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	527.891.992.205	478.653.182.419
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	480.298.000.000	904.191.182.801
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	298.669.522.568	330.057.224.264
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7a	(280.341.125.475)	(280.339.125.475)
III. Hàng tồn kho	**140**		**15.500.000.000**	**15.500.000.000**
1. Hàng tồn kho	141		15.500.000.000	15.500.000.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.084.146.766**	**17.652.993.799**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.821.769.830	17.353.387.765
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		262.376.936	299.606.034
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.705.531.207.046**	**1.496.020.653.814**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**541.373.075.000**	**541.373.075.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	548.951.909.000	548.951.909.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7b	(7.578.834.000)	(7.578.834.000)
II. Tài sản cố định	**220**		**299.531.988**	**469.360.482**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		299.531.988	469.360.482
- Nguyên giá	*222*		*2.424.621.845*	*2.424.621.845*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(2.125.089.857)*	*(1.955.261.363)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**311.137.841.507**	**180.028.629.793**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.6	311.137.841.507	180.028.629.793
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**852.105.495.000**	**773.160.620.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	32.549.120.000	32.549.120.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	741.464.000.000	741.464.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	93.421.875.000	14.672.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.329.500.000)	(15.525.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**615.263.551**	**988.968.539**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		615.263.551	988.968.539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**5.973.043.473.837**	**5.702.455.225.671**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.379.862.787.748**	**4.118.617.642.650**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**4.379.862.787.748**	**4.118.617.642.650**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	694.288.019.325	1.015.807.678.375
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.918.049.292	1.937.229.027
3. Phải trả người lao động	314		613.335.450	292.231.152
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.339.533.202	26.591.674.573
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	71.105.756.584	341.009.833.995
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	3.581.249.280.168	2.727.230.360.631
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	8.269.327.092	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.079.486.635	5.748.634.897
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.593.180.686.089**	**1.583.837.583.021**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14**	**1.593.180.686.089**	**1.583.837.583.021**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.139.824.104	6.139.824.104
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		274.618.477.621	265.275.374.553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*264.944.522.815*	*261.115.465.341*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*9.673.954.806*	*4.159.909.212*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**5.973.043.473.837**	**5.702.455.225.671**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Nguyễn Khoa Diệu Bình	Vũ Thị Thảo	Vũ Thắng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.025.409.899.094	2.926.094.126.333
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.025.409.899.094	2.926.094.126.333
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.997.568.895.920	2.856.582.160.217
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.841.003.174	69.511.966.116
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	136.205.867.936	140.778.149.015
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	130.782.931.349	169.998.569.321
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*92.882.125.629*	*140.648.491.021*
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.899.232.629	16.422.807.589
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.867.457.723	8.307.157.507
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.497.249.409	15.561.580.714
10. Thu nhập khác	31		21.405.192	17.138.786
11. Chi phí khác	32	VI.7	8.348.438.281	1.883.900
12. Lợi nhuận khác	40		(8.327.033.089)	15.254.886
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.170.216.320	15.576.835.600
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.496.261.514	3.065.847.120
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.673.954.806	12.510.988.480

M.S.D.N: 0102287094-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khoa Diệu Bình	Vũ Thị Thảo	Vũ Thắng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 20 tháng 08 năm 2024		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**12.170.216.320**	**15.576.835.600**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	169.828.494	234.275.142
Các khoản dự phòng	03	8.075.827.092	(991.602.655)
(Lãi)/Lỗ CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ	04	(4.721.274)	(11.138.734)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.158.368.033)	(57.701.066.637)
Chi phí lãi vay	06	92.882.125.629	140.648.491.021
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**63.134.908.228**	**97.755.793.737**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(592.963.740.075)	(150.557.117.112)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	408.756.768.983
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(591.419.930.873)	(172.107.397.363)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	8.905.322.923	3.802.458.426
Tiền lãi vay đã trả	14	(104.201.374.000)	(126.471.420.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.131.035.539)	(10.765.043.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(1.217.675.849.336)**	**50.414.042.385**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(131.109.211.714)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	21.405.191	17.138.386
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(303.815.000.000)	(649.160.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	727.708.182.801	164.403.187.062
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(78.749.375.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.218.164.111	46.731.106.027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**263.274.165.389**	**(438.008.568.525)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.294.034.425.952	3.651.179.425.092
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.440.015.506.415)	(3.313.563.451.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**854.018.919.537**	**337.615.973.756**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(100.382.764.410)**	**(49.978.552.384)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**113.484.245.938**	**61.090.108.823**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.721.274	11.138.734
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**13.106.202.802**	**11.122.695.173**

Nguyễn Khoa Diệu Bình	Vũ Thị Thảo	Vũ Thắng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 20 tháng 08 năm 2024		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 33 ngày 04/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 7 tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.296.071.470.000 đồng (Một nghìn hai trăm chín mươi sáu tỷ, không trăm bảy mươi mốt triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, than cám; Bán buôn nhiên liệu rắn: Bán buôn than và các sản phẩm về than; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; Dịch vụ định giá bất động sản và quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác;
- Xây dựng các loại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Thang máy, cầu thang tự động; Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Bán buôn đồ uống, gạo, nông lâm sản...;
- Bán buôn kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư Phòng cháy chữa cháy; Bán buôn thang máy, máy bơm, máy móc khác,...;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: văn phòng phẩm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động ở nước ngoài; Và các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là kinh doanh than.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam	Hà Nội	100,00%	Bán buôn chuyên doanh khác
2	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6	Hà Nội	69,19%	Hỗ trợ dịch vụ vận tải đường thủy

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	Hà Nội	41,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	Hòa Bình	30,00%	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)	Hải Phòng	37,81%	Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hóa mỹ phẩm

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1	Chi nhánh Đào tạo và XKLĐ Hanic Hà Nội – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Hà nội	Xuất khẩu lao động
2	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
3	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Bắc Ninh	Xuất khẩu lao động

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 45 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	40.984.453	68.584.652
Tiền gửi ngân hàng	13.065.218.349	113.415.661.286
Cộng	**13.106.202.802**	**113.484.245.938**

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long	2.606.623.351.607	2.030.868.833.320
Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương	473.656.621.563	473.644.525.853
Các khách hàng khác	123.023.554.755	122.721.508.938
Cộng	**3.203.303.527.925**	**2.627.234.868.111**
Trong đó: Phải thu các bên liên quan	**4.035.853.607**	**4.035.853.607**
(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)		

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hoàng Cầu	300.000.000.000	300.000.000.000
Công ty CP Sapa Vân Tảo	210.000.000.000	166.555.841.919
Các khách hàng khác	17.891.992.205	12.097.340.500
Cộng	**527.891.992.205**	**478.653.182.419**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Anh Quân (a)	235.700.000.000	235.700.000.000
Ông Trần Tiến Thành	325.000.000	325.000.000
Công ty Cổ phần TBIC (b)	24.100.000.000	24.100.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long Dream (c)	74.968.000.000	74.968.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	-	99.401.369.863
Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP	-	469.696.812.938
Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Thịnh Vượng (d)	145.205.000.000	-
Cộng	**480.298.000.000**	**904.191.182.801**

(a) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A-Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty Cổ phần BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Đến ngày 30/06/2019 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa hoàn tất. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và đã có lệnh truy nã. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn đề nghị Công ty Cổ phần Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTM ngày 14/06/2011. Công ty đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi toàn bộ số tiền cho vay này (Xem thêm tại thuyết minh Dự phòng nợ phải thu khó đòi).

(b) Cho Công ty Cổ phần TBIC vay theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01.2022/HĐVV/SHN - TBIC ngày 20/01/2022 và các phụ lục; lãi suất 11%/năm, thời hạn vay đến ngày 19/01/2025.

(c) Cho Công ty CP Khách sạn Hạ Long Dream vay theo các hợp đồng ngắn hạn, chi tiết một số hợp đồng lớn như sau:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 04012021/HĐVV ngày 04/01/2021 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 50.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 04/01/2021. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 31122021/HĐVV ngày 31/12/2021 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 31/12/2021. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 19122022/HĐVV ngày 19/12/2022 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.

(d) Cho Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Thịnh Vượng vay theo hợp đồng vay vốn số 01.2024/HĐVV/TV-SHN ngày 13/03/2024, số tiền 230.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày khoản tiền vay đầu tiên được chuyển cho bên vay, lãi suất 6,5%/năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng người lao động	174.513.385	133.309.000
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	16.375.000
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm		
- Công ty CP Nhiệt Điện Thăng Long (a)	*160.322.010.024*	*194.191.312.789*
- Công ty Cổ phần TBIC	*50.800.696.988*	*49.478.828.495*
- Nguyễn Thị Thu Hường	*5.451.501.558*	*18.111.368.026*
- Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	*7.021.278.528*	*13.732.011.812*
- Công ty CP Sapa Vân Tảo	*11.834.794.520*	-
- Công ty CP Đầu tư tổng hợp Thịnh Vượng	*3.207.698.535*	-
- Công ty CP Khách sạn Hạ Long Dream	*19.357.507.731*	*15.432.470.796*
Phải thu khác		
- Ông Nguyễn Trung Kiên	*12.831.501.573*	*12.831.501.573*
- Ông Lê Song Hào	*13.965.491.231*	*13.965.491.231*
- Công ty Cổ phần An Sinh	*6.251.147.700*	*6.251.147.700*
- Các khách hàng khác	*7.448.380.795*	*5.913.407.842*
Cộng	**298.672.522.568**	**330.073.599.264**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ		
- Ký quỹ xuất khẩu lao động	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*
- Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP: Dự án KĐT mới Hòa Bình (b)	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*
- Ký quỹ hợp đồng thuê văn phòng	294.975.000	294.975.000
Phải thu khác		
- Tập đoàn Geleximco- Công ty CP: Dự án khách sạn tại KĐT Thành phố giao lưu (c)	*446.800.000.000*	*446.800.000.000*
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kim Giang (d)	*6.537.000.000*	*6.537.000.000*
- Các khách hàng khác	*2.319.934.000*	*2.319.934.000*
Cộng	**548.951.909.000**	**548.951.909.000**
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	**24.775.000**	**22.775.000**
(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)		

(a) Phải thu tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng số 02/2024/TLP-SHN ngày 05/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long (TLP) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và các phụ lục thay đổi. Tổng khối lượng mua bán than là 2.200.000 tấn/năm (± 5%). Trường hợp bên mua thanh toán chậm thì phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chậm thanh toán như sau:

- Đối với khoản tiền trong giá trị tài sản đảm bảo của TLP do VPBank quy định: lãi suất trả chậm tính bằng Lãi suất huy động bình quân của SHN +1%.

- Đối với khoản tiền ngoài giá trị tài sản đảm bảo của TLP do VPBank quy định: Lãi suất trả chậm được tính bằng 12,5%/năm đối với khoản tiền ngoài giá trị tài sản đảm bảo của TLP cho SHN do VPBANK quy định.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận liên danh ngày 25/10/2017 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP về việc liên danh để tham gia đấu thầu làm Chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Hòa Bình - Geleximco, phường Thịnh Lang và phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình.

(c) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác số 01/2021/HTKD/GELE - SHN ngày 30 tháng 03 năm 2021, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án Khách sạn tại khu đất KS, nằm trong Khu Đô thị Thành phố Giao lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm - phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội do Tập đoàn Geleximco - CTCP làm chủ đầu tư. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ được thống nhất sau khi dự án hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng chuyển sang giai đoạn vận hành khai thác.

(d) Khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kim Giang liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Điềm Thụy theo giấy chứng nhận đầu tư số 172031000015 ngày 31/07/2009, sửa đổi lần 1 ngày 18/11/2010.

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án D1 Võ Nguyên Giáp, phường Bình Minh, Thành phố Lào Cai (*)	181.159.453.693	180.028.629.793
Dự án Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP Lào Cai (**)	129.789.323.445	-
Dự án Công viên SaPa	189.064.369	-
Cộng	**311.137.841.507**	**180.028.629.793**

(*) Giá trị dở dang của Dự án Xây dựng 94 căn nhà thương mại chiều cao 05 tầng nhưng tối đa không quá 18,5m tại đường D1 (Võ Nguyên Giáp), phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với diện tích 9.549,6 m2. Hình thức giao đất thu tiền sử dụng thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án. Thời gian sử dụng theo quyết định 1358/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 là 50 năm kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(**) Dự án Tổ hợp dịch vụ, thương mại kết hợp nhà ở cao tầng tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với diện tích 7.629,4 m2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua việc đấu giá tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Thời gian sử dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào cai số 2260/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 là 50 năm kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
a/ Ngắn hạn	**280.341.125.975**	**500**	**280.341.125.475**	**280.339.125.975**	**500**	**280.339.125.475**
Phải thu khách hàng	**7.220.440.374**	**-**	**7.220.440.374**	**7.220.440.374**	**-**	**7.220.440.374**
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa	4.035.853.607	-	4.035.853.607	4.035.853.607	-	4.035.853.607
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình	2.282.578.971	-	2.282.578.971	2.282.578.971	-	2.282.578.971
Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phát	306.402.000	-	306.402.000	306.402.000	-	306.402.000
Các khách hàng khác	595.605.796	-	595.605.796	595.605.796	-	595.605.796
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**236.025.000.000**	**-**	**236.025.000.000**	**236.025.000.000**	**-**	**236.025.000.000**
Nguyễn Anh Quân	235.700.000.000	-	235.700.000.000	235.700.000.000	-	235.700.000.000
Trần Tiến Thành	325.000.000	-	325.000.000	325.000.000	-	325.000.000
Phải thu khác	**37.095.685.601**	**500**	**37.095.685.101**	**37.093.685.601**	**500**	**37.093.685.101**
Lê Song Hào	13.965.491.231	-	13.965.491.231	13.965.491.231	-	13.965.491.231
Nguyễn Trung Kiên	12.831.501.573	-	12.831.501.573	12.831.501.573	-	12.831.501.573
Công ty Cổ phần An Sinh	6.251.147.700	-	6.251.147.700	6.251.147.700	-	6.251.147.700
Nguyễn Thanh Tùng (Phòng dự án)	2.085.213.626	-	2.085.213.626	2.085.213.626	-	2.085.213.626
Lương Thị Ninh	928.470.000	-	928.470.000	928.470.000	-	928.470.000
Nguyễn Bích Hạnh	354.694.000	-	354.694.000	354.694.000	-	354.694.000
Các khách hàng khác	679.167.471	500	679.166.971	677.167.471	500	677.166.971
b/ Dài hạn	**8.856.934.000**	**1.278.100.000**	**7.578.834.000**	**8.856.934.000**	**1.278.100.000**	**7.578.834.000**
Phải thu khác	**8.856.934.000**	**1.278.100.000**	**7.578.834.000**	**8.856.934.000**	**1.278.100.000**	**7.578.834.000**
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang	6.537.000.000	-	6.537.000.000	6.537.000.000	-	6.537.000.000
Hoàng Văn Diện	2.319.934.000	1.278.100.000	1.041.834.000	2.319.934.000	1.278.100.000	1.041.834.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6	30.549.120.000	30.549.120.000	-	30.549.120.000	30.549.120.000	-
Cộng	**32.549.120.000**	**30.549.120.000**	**2.000.000.000**	**32.549.120.000**	**30.549.120.000**	**2.000.000.000**

Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty con nêu trên để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam đang dừng hoạt động, Công ty trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	216.480.000.000	216.480.000.000	-	216.480.000.000	216.480.000.000	-
Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	40.500.000.000	40.500.000.000	-	40.500.000.000	40.500.000.000	-
Công ty CP Daso (Hải Phòng)	484.484.000.000	484.484.000.000	-	484.484.000.000	484.484.000.000	-
Cộng	**741.464.000.000**	**741.464.000.000**	**-**	**741.464.000.000**	**741.464.000.000**	**-**

Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết nêu trên để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Chứng khoán Hà Nội	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Công ty CP Máy Thiết bị dầu khí	1.572.500.000	1.343.000.000	229.500.000	1.572.500.000	1.147.500.000	425.000.000
Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Công ty CP Giấy An Hòa	78.749.375.000	78.749.375.000	-	-	-	-
Cộng	**93.421.875.000**	**80.092.375.000**	**13.329.500.000**	**14.672.500.000**	**1.147.500.000**	**13.525.000.000**

Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Máy Thiết bị dầu khí lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 28/06/2024 của cổ phiếu này là 15.800 đồng/ cổ phiếu. Công ty CP Chứng khoán Hà Nội và Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang đang dừng hoạt động, Công ty trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần TBIC	219.568.321.798	219.568.321.798	569.841.709.137	569.841.709.137
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	261.737.547.202	261.737.547.202	200.802.842.218	200.802.842.218
Công ty CP Đầu tư GIC Quốc tế	10.048.600.000	10.048.600.000	96.524.601.231	96.524.601.231
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp DHA	88.077.265.431	88.077.265.431	93.077.265.431	93.077.265.431
Các khách hàng khác	114.856.284.894	114.856.284.894	55.561.260.358	55.561.260.358
Cộng	**694.288.019.325**	**694.288.019.325**	**1.015.807.678.375**	**1.015.807.678.375**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	420.142.523	201.298.613.368	201.591.948.779	713.477.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.433.084.269	2.496.261.514	1.131.035.539	1.067.858.294
Thuế thu nhập cá nhân	64.822.500	502.498.597	593.568.896	155.892.799
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	57.297.600	57.297.600	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	129.795.323.445	129.795.323.445	-
Cộng	**2.918.049.292**	**334.149.994.524**	**333.169.174.259**	**1.937.229.027**

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**3.581.249.280.168**	**3.581.249.280.168**	**3.294.034.425.952**	**2.415.015.506.415**	**2.702.230.360.631**	**2.702.230.360.631**
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (a)	2.030.890.848.485	2.030.890.848.485	1.213.756.557.354	872.826.536.257	1.689.960.827.388	1.689.960.827.388
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (b)	1.079.920.742.003	1.079.920.742.003	1.602.557.868.598	1.070.188.970.158	547.551.843.563	547.551.843.563
- Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương (c)	467.720.000.000	467.720.000.000	467.720.000.000	462.000.000.000	462.000.000.000	462.000.000.000
- Các cá nhân khác	2.717.689.680	2.717.689.680	10.000.000.000	10.000.000.000	2.717.689.680	2.717.689.680
Nợ dài hạn đến hạn trả	**-**	**-**	**-**	**25.000.000.000**	**25.000.000.000**	**25.000.000.000**
- Trái phiếu SHN.H.20.23.001	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	**3.581.249.280.168**	**3.581.249.280.168**	**3.294.034.425.952**	**2.440.015.506.415**	**2.727.230.360.631**	**2.727.230.360.631**

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 62/24/TD/BB/011 ngày 03/06/2024. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 2.050.000.000.000 đồng bao gồm toàn bộ số dư tín dụng ngắn hạn hiện đang theo dõi tại ABBank theo Hợp đồng cấp hạn mức số 117/23/TD/BB/011 ngày 25/09/2023. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ kinh doanh lĩnh vực cung cấp nguyên vật liệu đầu vào (than, dầu, đá vôi, hóa chất,...) cho Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thăng Long do Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long là chủ đầu tư; Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán; Phát hành các loại L/C theo quy định để mua than phục vụ phương án kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn của từng lần cấp tín dụng có thể vượt quá thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng và được quy định chi tiết trong Phụ lục hợp đồng hoặc từng Giấy nhận nợ. Lãi suất, phí của từng loại hình cấp tính dụng được quy định cụ thể trong từ Phụ lục hợp đồng kèm theo hoặc các văn bản liên quan khác. Khoản vay được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được ký kết với ABBank.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(b) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức số BCLC-944-01 ngày 19/9/2023 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Hạn mức cấp tín dụng là 1.600.000.000.000 đồng trong đó hạn mức mua than khác không cung cấp trực tiếp cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long là 600.000.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng để thanh toán tiền mua than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long; phát hành L/C; UPAS L/C để mua than trong nước, than có nguồn gốc nhập khẩu cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 6 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong khế ước nhận nợ hoặc các văn bản có liên quan. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008/HĐTC/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 200818/HĐTCTS/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018; hợp đồng thế chấp tài sản hàng tồn kho luân chuyển số 200818/HĐTCTS/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 20818/HĐTC/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018, và bất động sản tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo hợp đồng thế chấp số 03BĐS/HDTC/VPB-GELEXIMCO-SHN ký ngày 13/01/2023 và các biện pháp bảo đảm khác được thỏa thuận với ngân hàng.

(c) Vay ngắn hạn Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương theo hợp đồng số 02042024/HĐVV/KB-SHN ngày 02/04/2024 và các phụ lục, số tiền vay là 470.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay phục vụ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay là 7,1%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	**1.296.071.470.000**	**16.350.914.364**	**6.139.824.104**	**265.275.374.553**	**1.583.837.583.021**
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	9.673.954.806	9.673.954.806
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(330.851.738)	(330.851.738)
Số dư tại ngày 30/06/2024	**1.296.071.470.000**	**16.350.914.364**	**6.139.824.104**	**274.618.477.621**	**1.593.180.686.089**

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	129.607.147	129.607.147
- Cổ phiếu phổ thông	*129.607.147*	*129.607.147*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	129.607.147	129.607.147
- Cổ phiếu phổ thông	*129.607.147*	*129.607.147*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	85.169.215	253.728.935
Bảo hiểm xã hội	154.810.580	-
Bảo hiểm y tế	29.606.520	-
Bảo hiểm thất nghiệp	14.565.020	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000.000	45.000.000.000
Phải trả LC Upas	-	269.637.126.595
Các khoản phải trả khác	25.821.605.249	26.118.978.465
Cộng	**71.105.756.584**	**341.009.833.995**

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Công ty đang ghi nhận dự phòng phải trả phát sinh do thanh lý trước hạn hợp đồng dịch vụ số 16/03-09/HĐDV-2020/PT ký ngày 03/09/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Thiên Phú Thành về việc thuê kho bãi để tập kết, bốc xúc hàng hoá than các loại lên xuống phương tiện và cung cấp các dịch vụ cảng liên quan với số tiền là 8.269.327.092 đồng. Hiện tại, hai bên đang trao đổi, thương lượng để thống nhất số tiền bồi thường trong thời gian tới.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
USD	3.957,48	3.957,48

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.025.409.899.094**	**2.926.094.126.333**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.997.666.056.891	2.859.860.529.808
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.743.842.203	66.233.596.525
Cộng	**2.025.409.899.094**	**2.926.094.126.333**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.997.568.895.920	2.857.341.012.872
Dự phòng/ (hoàn nhập DP) giảm giá hàng tồn kho	-	(758.852.655)
Cộng	**1.997.568.895.920**	**2.856.582.160.217**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ, tạm ứng mua hàng	49.622.862.842	57.229.328.251
Cổ tức, lợi nhuận được chia	514.100.000	454.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.721.274	54.158.336
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	86.064.183.820	83.040.062.428
Cộng	**136.205.867.936**	**140.778.149.015**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thanh toán, lãi chậm thanh toán	-	1.294.941.786
Chi phí lãi vay	92.882.125.629	140.648.491.021
(Hoàn nhập)/ dự phòng giảm giá đầu tư	(195.500.000)	(232.750.000)
Phí phát hành trái phiếu	-	500.000.000
Chi phí tài chính khác	38.096.305.720	27.787.886.514
Cộng	**130.782.931.349**	**169.998.569.321**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.089.899.060	5.036.632.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	34.577.794	392.759.881
Khấu hao tài sản cố định	67.750.614	132.197.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.532.412.476	10.379.315.387
Chi phí bằng tiền khác	174.592.685	481.902.259
Cộng	**4.899.232.629**	**16.422.807.589**

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.124.887.891	4.386.040.850
Chi phí đồ dùng văn phòng	103.366.388	531.498.089
Khấu hao tài sản cố định	102.077.880	102.077.880
Thuế, phí, lệ phí	65.024.510	96.406.933
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.468.830.732	1.662.261.935
Chi phí bằng tiền khác	1.001.270.322	1.528.871.820
Cộng	**7.867.457.723**	**8.307.157.507**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng	8.269.327.092	-
Các khoản chi khác	79.111.189	1.883.900
Cộng	**8.348.438.281**	**1.883.900**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**12.170.216.320**	**15.576.835.600**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	**514.100.000**	**454.600.000**
- Cổ tức nhận được	*514.100.000*	*454.600.000*
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	**509.305.029**	**207.000.000**
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*298.181.816*	*207.000.000*
- Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính	*41.880.038*	-
- Chi phí không được trừ khác	*169.243.175*	-
Thu nhập chịu thuế	**12.165.421.349**	**15.329.235.600**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	**20%**	**20%**
Thuế TNDN phải nộp	**2.433.084.270**	**3.065.847.120**
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	63.177.244	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.496.261.514**	**3.065.847.120**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	**3.294.034.425.952 đồng**
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	3.294.034.425.952 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	**2.440.015.506.415 đồng**
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	2.440.015.506.415 đồng

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã nhận		
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6	454.600.000	454.600.000
Cộng	**454.600.000**	**454.600.000**

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam	4.035.853.607	4.035.853.607
Cộng	**4.035.853.607**	**4.035.853.607**
Phải thu khác		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam	24.775.000	22.775.000
Cộng	**24.775.000**	**22.775.000**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phạm Ngọc Tuân	-	42.000.000
Ông Vũ Phúc Thọ	-	30.000.000
Ông Lê Việt Hà	-	30.000.000
Ông Nguyễn Đại Hải	-	289.869.983
Ông Vũ Quang Minh	-	550.421.550
Ông Hoàng Trọng Điềm	112.363.634	-
Ông Nguyễn Ngọc Triều Dương	44.727.273	-
Ông Lê Hữu Tú	62.909.091	-
Ông Vũ Thắng	544.700.000	-
Ông Nguyễn Trung Thành	436.000.000	-

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ như sau:

	Kinh doanh than VND	Cung cấp dịch vụ VND	Kinh doanh BĐS VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.997.666.056.891	27.743.842.203	-	2.025.409.899.094
Tổng doanh thu	**1.997.666.056.891**	**27.743.842.203**	**-**	**2.025.409.899.094**
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.997.568.895.920	-		1.997.568.895.920
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	97.160.971	27.743.842.203		27.841.003.174
Chi phí không phân bổ				12.766.690.352
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				15.074.312.822
Doanh thu hoạt động tài chính				136.205.867.936
Chi phí tài chính				130.782.931.349
Thu nhập khác				21.405.192
Chi phí khác				8.348.438.281
Lợi nhuận trước thuế				12.170.216.320
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				2.496.261.514
Lợi nhuận trong kỳ				**9.673.954.806**

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Kinh doanh than VND	Cung cấp dịch vụ VND	Kinh doanh BĐS VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	4.181.744.259.355	58.076.600.173	311.137.841.507	4.550.958.701.035
Tài sản không phân bổ	-	-		1.422.084.772.802
Tổng tài sản				**5.973.043.473.837**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	4.024.529.175.635	55.893.176.943	299.440.435.170	4.379.862.787.748
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				**4.379.862.787.748**

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyễn Khoa Diệu Bình	**Vũ Thị Thảo**	**Vũ Thắng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 20 tháng 08 năm 2024		